

Số: /QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước lĩnh vực nông nghiệp và môi trường trên địa bàn thành phố Hải Phòng

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;

Căn cứ Quyết định số 1085/QĐ-TTg ngày 15/9/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch rà soát, đơn giản hoá thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước giai đoạn 2022-2025;

Căn cứ Quyết định số 1178/QĐ-UBND ngày 15/4/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng ban hành Kế hoạch cải cách thủ tục hành chính trọng tâm và cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 161/TTr-SNNMT ngày 06/5/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này các thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước lĩnh vực nông nghiệp và môi trường trên địa bàn thành phố Hải Phòng (*Phụ lục I, Phụ lục II kèm theo*).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã trên địa bàn thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ NN&MT;
- Cục KSTTHC - VPCP;
- CT, các PCT UBND TP;
- Các PCVP UBND TP;
- Các Phòng: KSTTHC, NNTN&MT;
- Cổng TTĐTTP;
- Lưu: VT, KSTTHC5.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hoàng Minh Cường

Phụ lục I: DANH MỤC
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ GIỮA CÁC CƠ QUAN HÀNH
CHÍNH NHÀ NƯỚC LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2025
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)

STT	Tên thủ tục hành chính nội bộ	Lĩnh vực	Thẩm quyền giải quyết	Cơ quan thực hiện	Căn cứ pháp lý
A	Thủ tục hành chính cấp tỉnh				
1	Trình tự, thủ tục lập, điều chỉnh, thẩm định, quyết định, phê duyệt quy hoạch sử dụng đất thành phố	Đất đai	UBND thành phố	Sở Nông nghiệp và Môi trường	- Luật Đất đai 2024; -Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; - Thông tư số 29/2024/TT-BTNMT ngày 12 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật về lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.
2	Trình tự, thủ tục lập, điều chỉnh, thẩm định, quyết định, phê duyệt kế hoạch sử dụng đất của thành phố	Đất đai	UBND thành phố	Sở Nông nghiệp và Môi trường	- Luật Đất đai 2024; -Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; - Thông tư số 29/2024/TT-BTNMT ngày 12 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật về lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.
3	Phê duyệt, điều chỉnh chức năng nguồn nước mặt trên	Tài nguyên nước	UBND thành phố	Sở Nông nghiệp và Môi trường	- Khoản 5 Điều 22 Luật tài nguyên nước năm 2023 - Điểm b Khoản 2 Điều 7

STT	Tên thủ tục hành chính nội bộ	Lĩnh vực	Thẩm quyền giải quyết	Cơ quan thực hiện	Căn cứ pháp lý
	địa bàn thành phố Hải Phòng				<i>Thông tư số 03/2024/TT-BTNMT ngày 16/5/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường</i>
4	Lập Danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ nguồn nước	Tài nguyên nước	UBND thành phố	Sở Nông nghiệp và Môi trường	- Khoản 3 Điều 23 Luật Tài nguyên nước năm 2023 - Khoản 3 Điều 26 Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ
5	Điều chỉnh Danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ nguồn nước hoặc Điều chỉnh phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước	Tài nguyên nước	UBND thành phố	Sở Nông nghiệp và Môi trường	- Khoản 3 Điều 23 Luật Tài nguyên nước năm 2023 - Khoản 4 Điều 26 Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ
6	Phê duyệt, công bố dòng chảy tối thiểu trên sông, suối thuộc địa bàn thành phố	Tài nguyên nước	UBND thành phố	Sở Nông nghiệp và Môi trường	- Khoản 7 Điều 24 Luật tài nguyên nước năm 2023 - Điểm a Khoản 2 Điều 19 Thông tư số 03/2024/TT-BTNMT ngày 16/5/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường
7	Điều chỉnh dòng chảy tối thiểu trên sông, suối thuộc địa bàn thành phố	Tài nguyên nước	UBND thành phố	Sở Nông nghiệp và Môi trường	- Khoản 7 Điều 24 Luật tài nguyên nước năm 2023 - Điều 20 Thông tư số 03/2024/TT-BTNMT ngày 16/5/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường
8	Phê duyệt vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt đối với công trình nằm trên địa bàn 01 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Tài nguyên nước	UBND thành phố	Sở Nông nghiệp và Môi trường	- Điểm b Khoản 2 Điều 26 Luật Tài nguyên nước năm 2023 - Khoản 2 Điều 12 Thông tư số 03/2024/TT-BTNMT ngày 16/5/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường

STT	Tên thủ tục hành chính nội bộ	Lĩnh vực	Thẩm quyền giải quyết	Cơ quan thực hiện	Căn cứ pháp lý
9	Phê duyệt kế hoạch bảo vệ nước dưới đất	Tài nguyên nước	UBND thành phố	Sở Nông nghiệp và Môi trường	- Khoản 7 Điều 31 Luật Tài nguyên nước năm 2023 - Điều 24 Thông tư số 03/2024/TT-BTNMT ngày 16/5/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường
10	Điều chỉnh kế hoạch bảo vệ nước dưới đất	Tài nguyên nước	UBND thành phố	Sở Nông nghiệp và Môi trường	- Khoản 7 Điều 31 Luật Tài nguyên nước năm 2023 - Điều 25 Thông tư số 03/2024/TT-BTNMT ngày 16/5/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường
11	Phê duyệt, điều chỉnh Danh mục vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất	Tài nguyên nước	UBND thành phố	Sở Nông nghiệp và Môi trường	- Khoản 4 Điều 31 Luật Tài nguyên nước năm 2023 - Điều 38 Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ
12	Lập danh mục các đập, hồ chứa trên sông, suối phải xây dựng quy chế phối hợp vận hành thuộc địa bàn 01 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Tài nguyên nước	UBND thành phố	Sở Nông nghiệp và Môi trường	- Khoản 9 Điều 38 Luật Tài nguyên nước - Khoản 1 Điều 55 Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ
13	Lập danh mục các đập, hồ chứa trên sông, suối phải xây dựng quy chế phối hợp vận hành thuộc phạm vi từ hai tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên	Tài nguyên nước	UBND thành phố	Sở Nông nghiệp và Môi trường	- Khoản 9 Điều 38 Luật Tài nguyên nước năm 2023 - Khoản 3 Điều 55 Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ
14	Phê duyệt quy chế phối hợp vận hành giữa các đập, hồ chứa trên sông, suối	Tài nguyên nước	UBND thành phố	Sở Nông nghiệp và Môi trường	- Khoản 9 Điều 38 Luật Tài nguyên nước năm 2023 - Khoản 2 Điều 55

STT	Tên thủ tục hành chính nội bộ	Lĩnh vực	Thẩm quyền giải quyết	Cơ quan thực hiện	Căn cứ pháp lý
	thuộc địa bàn 01 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương				<i>Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ</i>
15	Phê duyệt quy chế phối hợp vận hành giữa các đập, hồ chứa trên sông, suối thuộc phạm vi từ hai tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên	Tài nguyên nước	UBND thành phố	Sở Nông nghiệp và Môi trường	- Khoản 9 Điều 38 Luật Tài nguyên nước năm 2023 - Khoản 2 Điều 55 Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ
16	Lập danh mục hồ, ao, đầm, phá nội tỉnh không được san lấp	Tài nguyên nước	UBND thành phố	Sở Nông nghiệp và Môi trường	- Khoản 6 Điều 63 Luật Tài nguyên nước năm 2023 - Khoản 2 Điều 57 và Điểm c Khoản 2 Điều 58 Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ
17	Điều chỉnh danh mục hồ, ao, đầm, phá nội tỉnh không được san lấp	Tài nguyên nước	UBND thành phố	Sở Nông nghiệp và Môi trường	- Khoản 6 Điều 63 Luật Tài nguyên nước năm 2023 - Điều 58 Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ
B	Thủ tục hành chính cấp huyện				
18	Trình tự, thủ tục lập, điều chỉnh, thẩm định, quyết định, phê duyệt quy hoạch sử dụng đất cấp huyện	Đất đai	UBND thành phố	- Sở Nông nghiệp và Môi trường; - UBND cấp huyện	- Luật Đất đai 2024; - Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; - Thông tư số 29/2024/TT-BTNMT ngày 12 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật về lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất

STT	Tên thủ tục hành chính nội bộ	Lĩnh vực	Thẩm quyền giải quyết	Cơ quan thực hiện	Căn cứ pháp lý
19	Trình tự, thủ tục lập, điều chỉnh, thẩm định, quyết định, phê duyệt kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện	Đất đai	UBND thành phố	- Sở Nông nghiệp và Môi trường; - UBND cấp huyện	- Luật Đất đai 2024; - Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; - Thông tư số 29/2024/TT- BTNMT ngày 12 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật về lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

Phụ lục II: NỘI DUNG
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ GIỮA CÁC CƠ QUAN HÀNH
CHÍNH NHÀ NƯỚC LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2025
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)

1. Trình tự, thủ tục lập, điều chỉnh, thẩm định, quyết định, phê duyệt quy hoạch sử dụng đất thành phố

a) Trình tự thực hiện

- Bước 1:

Sở Nông nghiệp và Môi trường hoàn thiện hồ sơ quy hoạch sử dụng đất thành phố, điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất thành phố báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố để trình Hội đồng nhân dân thành phố thông qua trước khi Ủy ban nhân dân thành phố trình Bộ Nông nghiệp và Môi trường để thẩm định;

- Bước 2:

Trong thời hạn không quá 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ lấy ý kiến, Bộ Nông nghiệp và Môi trường gửi hồ sơ quy hoạch sử dụng đất thành phố, điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất thành phố đến các thành viên của Hội đồng thẩm định quy hoạch sử dụng đất thành phố, điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất thành phố để lấy ý kiến.

- Bước 3: Việc lấy ý kiến về quy hoạch sử dụng đất thành phố, điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất thành phố được quy định như sau:

+ Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm lấy ý kiến các sở, ngành có liên quan, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hải Phòng, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư, cá nhân có liên quan về quy hoạch sử dụng đất thành phố, điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất thành phố. Việc lấy ý kiến được thực hiện thông qua hình thức công khai thông tin về nội dung của quy hoạch sử dụng đất trên trang thông tin điện tử của cơ quan lập, điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất thành phố. Nội dung lấy ý kiến gồm báo cáo thuyết minh, hệ thống bản đồ về quy hoạch sử dụng đất thành phố, điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất thành phố;

+ Việc tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến và hoàn thiện phương án quy hoạch sử dụng đất, điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất thành phố được thực hiện trước khi trình Hội đồng thẩm định quy hoạch sử dụng đất thành phố, điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất thành phố và phải công bố công khai ý kiến đóng góp và việc tiếp thu, giải trình ý kiến đóng góp trên trang thông tin điện tử của cơ quan lập, điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất thành phố;

+ Thời gian lấy ý kiến về quy hoạch sử dụng đất thành phố, điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất thành phố là 45 ngày kể từ ngày công khai thông tin về nội dung lấy ý kiến.

- Bước 4:

Trong thời hạn không quá 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ lấy ý kiến, các thành viên Hội đồng thẩm định, điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất thành phố có trách nhiệm gửi ý kiến bằng văn bản đến Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

- *Bước 5:*

- + Trong thời hạn không quá 10 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn lấy ý kiến, Bộ Nông nghiệp và Môi trường tổ chức họp Hội đồng thẩm định quy hoạch sử dụng đất thành phố, điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất thành phố;
- + Trong thời hạn không quá 07 ngày làm việc kể từ ngày họp Hội đồng thẩm định, Bộ Nông nghiệp và Môi trường gửi thông báo kết quả thẩm định quy hoạch sử dụng đất, điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất thành phố đến Ủy ban nhân dân thành phố;

- + Ủy ban nhân dân thành phố có trách nhiệm tiếp thu, giải trình ý kiến Hội đồng thẩm định, hoàn thiện hồ sơ quy hoạch sử dụng đất thành phố, điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất thành phố trước khi Ủy ban nhân dân thành phố trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

b) Cách thức thực hiện: Theo quy định tại Thông tư số 29/TT-BTNMT ngày 12/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật về lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Tờ trình của Ủy ban nhân dân thành phố;
- Nghị quyết Hội đồng nhân dân thành phố;
- Báo cáo thuyết minh về quy hoạch sử dụng đất, điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất thành phố;
- Hệ thống bản đồ và dữ liệu kèm theo (dạng giấy hoặc dạng số);
- Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến Hội đồng thẩm định;
- Dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch sử dụng đất thành phố, điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất thành phố.

d) Thời hạn giải quyết: 90 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, đúng quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

- Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
- Cơ quan lập, điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất thành phố: Ủy ban nhân dân thành phố.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Thủ tướng Chính phủ.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch sử dụng đất thành phố, điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất thành phố.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Kinh phí lập, điều chỉnh, thẩm định, quyết định, phê duyệt,

công bố quy hoạch sử dụng đất thành phố do ngân sách nhà nước bảo đảm từ nguồn sự nghiệp kinh tế.

i) *Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai*: Không quy định.

k) *Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)*: Không quy định.

l) *Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính*:

- Luật Đất đai 2024;

- Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

- Thông tư số 29/TT-BTNMT ngày 12 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật về lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

2. Trình tự, thủ tục lập, điều chỉnh, thẩm định, quyết định, phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất của thành phố

a) *Trình tự thực hiện*

- *Bước 1*:

Sở Nông nghiệp và Môi trường trình Ủy ban nhân dân thành phố thành lập Hội đồng thẩm định, điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất 05 năm của thành phố.

- *Bước 2*:

Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định thành lập Hội đồng, Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm gửi hồ sơ kế hoạch sử dụng đất, điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất đến các thành viên của Hội đồng thẩm định, điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất của thành phố để lấy ý kiến.

- *Bước 3*:

Trong thời hạn không quá 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, các thành viên Hội đồng thẩm định, điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất của thành phố gửi ý kiến góp ý bằng văn bản đến Sở Nông nghiệp và Môi trường.

- *Bước 4*:

Trong thời hạn không quá 10 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn lấy ý kiến góp ý, Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm tham mưu cho Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức họp Hội đồng thẩm định, điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất của thành phố.

- *Bước 5*:

Trong thời hạn không quá 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo kết quả thẩm định kế hoạch sử dụng đất, điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất Sở Nông nghiệp và Môi trường hoàn chỉnh hồ sơ kế hoạch sử dụng đất, điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố để trình Hội đồng nhân dân thành phố thông qua trước khi Ủy ban nhân dân thành phố trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

b) *Cách thức thực hiện*: Theo quy định tại Thông tư số 29/TT-BTNMT ngày 12 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật về lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

c) *Thành phần, số lượng hồ sơ*

- Tờ trình của Ủy ban nhân dân thành phố;
- Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố;
- Báo cáo thuyết minh về kế hoạch sử dụng đất, điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất;
- Hệ thống sơ đồ và dữ liệu kèm theo (dạng giấy hoặc dạng số);
- Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến Hội đồng thẩm định;
- Dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất của thành phố.

d) *Thời hạn giải quyết*: 60 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, đúng quy định

đ) *Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính*

- Hội đồng nhân dân thành phố;
- Ủy ban nhân dân thành phố;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường.

e) *Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính*: Thủ tướng Chính phủ.

g) *Kết quả thực hiện thủ tục hành chính*: Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt kế hoạch sử dụng đất của thành phố.

h) *Phí, lệ phí (nếu có)*: Kinh phí lập, điều chỉnh, thẩm định, quyết định, phê duyệt, công bố kế hoạch sử dụng đất của thành phố do ngân sách nhà nước bảo đảm từ nguồn sự nghiệp kinh tế.

i) *Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai*: Không quy định.

k) *Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)*: Không quy định.

l) *Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính*:

- Luật Đất đai 2024;
- Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;
- Thông tư số 29/TT-BTNMT ngày 12 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật về lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

3. Phê duyệt, điều chỉnh chức năng nguồn nước mặt trên địa bàn thành phố Hải Phòng

a) *Trình tự thực hiện*:

- *Bước 1*: Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức xác định, điều chỉnh phân vùng chức năng đối với các nguồn nước mặt trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

- *Bước 2:* Sở Nông nghiệp và Môi trường gửi lấy ý kiến các Sở: Công Thương, Xây dựng, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ủy ban nhân dân cấp huyện và các cơ quan, đơn vị có liên quan về kết quả phân vùng chức năng nguồn nước.

- *Bước 3:* Trên cơ sở ý kiến góp ý, Sở Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp, tiếp thu, giải trình, hoàn chỉnh hồ sơ trình Ủy ban nhân dân cấp thành phố xem xét, phê duyệt.

- *Bước 4:* Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt, điều chỉnh chức năng nguồn nước mặt trên địa bàn thành phố.

- *Bước 5:* Trong thời hạn 14 ngày, kể từ ngày phê duyệt, điều chỉnh phân vùng chức năng nguồn nước, Ủy ban nhân dân thành phố theo thẩm quyền công bố, đăng tải quyết định phê duyệt, điều chỉnh phân vùng chức năng nguồn nước trên Cổng thông tin điện tử của thành phố.

b) *Cách thức thực hiện:* Không quy định.

c) *Thành phần, số lượng hồ sơ:* Không quy định.

d) *Thời gian thực hiện:* Không quy định.

đ) *Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:* Sở Nông nghiệp và Môi trường.

e) *Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:* Ủy ban nhân dân thành phố.

g) *Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:* Quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt/điều chỉnh chức năng nguồn nước mặt trên địa bàn thành phố.

h) *Phí, lệ phí (nếu có):* Không quy định.

i) *Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:* Không quy định.

k) *Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):* Không quy định.

l) *Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:*

Luật Tài nguyên nước năm 2023;

Thông tư số 03/2024/TT-BTNMT ngày 16/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.

4. Lập Danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ nguồn nước

a) *Trình tự thực hiện:*

- *Bước 1:* Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện lập Danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ trên địa bàn.

- *Bước 2:* Sở Nông nghiệp và Môi trường gửi hồ sơ lấy ý kiến Sở Công Thương, Sở Xây dựng, và các sở, ngành có liên quan về Danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ. Hồ sơ lấy ý kiến theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 26 Nghị định số 53/2024/NĐ-CP.

- *Bước 3:* Sở Nông nghiệp và Môi trường hoàn thiện hồ sơ trên cơ sở ý kiến góp ý, trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, phê duyệt.

- *Bước 4:* Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, phê duyệt Danh mục nguồn nước

phải lập hành lang bảo vệ.

- *Bước 5:* Trong thời hạn không quá 15 ngày kể từ ngày phê duyệt, Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức công bố Danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ trên các phương tiện thông tin đại chúng, đăng tải trên cổng thông tin điện tử của Sở Nông nghiệp và Môi trường, thông báo tới Ủy ban nhân dân cấp huyện và niêm yết công khai tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ.

b) Cách thức thực hiện: Không quy định.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ trình, phê duyệt:

- Tờ trình phê duyệt Danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ, bao gồm các nội dung chính sau: thuyết minh về việc lựa chọn các nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ; cơ sở xác định chức năng của từng hành lang bảo vệ; quá trình tổ chức xây dựng Danh mục.

- Dự thảo Quyết định phê duyệt Danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ;

- Bản tổng hợp, bản chụp ý kiến góp ý của các cơ quan, đơn vị có liên quan;

- Tài liệu khác có liên quan.

d) Thời gian thực hiện: Không quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Nông nghiệp và Môi trường.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân thành phố.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt Danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

Luật Tài nguyên nước năm 2023;

Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2023 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.

5. Điều chỉnh Danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ nguồn nước hoặc điều chỉnh phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước

a) Trình tự thực hiện:

- *Bước 1:* Sở Nông nghiệp và Môi trường rà soát, đánh giá lập Danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ trên địa bàn cần điều chỉnh hoặc các nguồn nước phải điều chỉnh phạm vi hành lang.

- *Bước 2:* Sở Nông nghiệp và Môi trường gửi hồ sơ lấy ý kiến Sở Công Thương, Sở Xây dựng và các sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện có liên quan về việc điều chỉnh Danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ hoặc điều chỉnh phạm

vi hành lang bảo vệ nguồn nước. Hồ sơ lấy ý kiến theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 26 Nghị định số 53/2024/NĐ-CP.

- *Bước 3:* Sở Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, phê duyệt.

- *Bước 4:* Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định điều chỉnh Danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ hoặc điều chỉnh phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước.

- *Bước 5:* Trong thời hạn không quá 15 ngày kể từ ngày phê duyệt, Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm tổ chức công bố điều chỉnh Danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ hoặc điều chỉnh phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước trên các phương tiện thông tin đại chúng, đăng tải trên cổng thông tin điện tử của Sở Nông nghiệp và Môi trường, thông báo tới Ủy ban nhân dân cấp huyện và niêm yết công khai tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ.

b) Cách thức thực hiện: Không quy định.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ trình, phê duyệt:

- Tờ trình điều chỉnh Danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ, bao gồm các nội dung chính sau: thuyết minh về việc lựa chọn các nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ; cơ sở xác định chức năng của từng hành lang bảo vệ; quá trình tổ chức xây dựng Danh mục.

- Dự thảo Quyết định điều chỉnh Danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ;

- Bản tổng hợp, bản chụp ý kiến góp ý của các cơ quan, đơn vị có liên quan;

- Tài liệu khác có liên quan.

d) Thời gian thực hiện: Không quy định

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Nông nghiệp và Môi trường.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân thành phố.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt điều chỉnh Danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ hoặc điều chỉnh phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

Luật Tài nguyên nước năm 2023;

Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.

6. Phê duyệt, công bố dòng chảy tối thiểu trên sông, suối thuộc địa bàn thành phố

a) Trình tự thực hiện:

- *Bước 1:* Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức điều tra, xác định vị trí, giá trị dòng chảy tối thiểu trên các sông, suối.
- *Bước 2:* Sở Nông nghiệp và Môi trường gửi hồ sơ lấy ý kiến các Sở: Công Thương, Xây dựng, Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các Sở, ban, ngành có liên quan về dòng chảy tối thiểu trên các sông, suối.
- *Bước 3:* Sở Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp ý kiến các Sở, ban ngành, gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường để cho ý kiến.
- *Bước 4:* Trên cơ sở ý kiến góp ý, Sở Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp, tiếp thu, giải trình, hoàn chỉnh hồ sơ trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định.
- *Bước 5:* Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, phê duyệt về dòng chảy tối thiểu trên các sông, suối thuộc địa bàn thành phố.
- *Bước 6:* Trong thời hạn 14 ngày, kể từ ngày quyết định được phê duyệt, Ủy ban nhân dân thành phố công bố, đăng tải Quyết định phê duyệt dòng chảy tối thiểu kèm theo danh mục dòng chảy tối thiểu trên sông, suối thuộc địa bàn thành phố trên Cổng thông tin điện tử của thành phố.

b) Cách thức thực hiện: Không quy định.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Tờ trình, Dự thảo Quyết định phê duyệt kèm theo danh mục dòng chảy tối thiểu trên các sông, suối;
- Báo cáo thuyết minh việc xác định dòng chảy tối thiểu;
- Sơ đồ dòng chảy tối thiểu của hệ thống sông, suối.

d) Thời gian thực hiện: Không quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Nông nghiệp và Môi trường

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân thành phố.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt dòng chảy tối thiểu kèm theo danh mục dòng chảy tối thiểu trên sông, suối thuộc địa bàn thành phố.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Tài nguyên nước năm 2023;
- Thông tư số 03/TT-BTNMT ngày 16/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và

Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.

7. Điều chỉnh dòng chảy tối thiểu trên sông, suối thuộc địa bàn thành phố

a) Trình tự thực hiện:

- *Bước 1:* Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức điều tra, rà soát, xác định vị trí, giá trị dòng chảy tối thiểu điều chỉnh trên các sông, suối theo định kỳ (05 năm) hoặc khi có sự điều chỉnh nội dung liên quan đến khai thác, sử dụng tài nguyên nước trong các quy hoạch; có dự án, công trình khai thác nước mới được hình thành làm thay đổi lớn đến chế độ dòng chảy trên sông, suối; có sự biến động về điều kiện tự nhiên tác động lớn đến nguồn nước.
- *Bước 2:* Sở Nông nghiệp và Môi trường gửi hồ sơ lấy ý kiến các Sở: Công Thương, Xây dựng, Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các Sở, ban, ngành có liên quan về hồ sơ điều chỉnh dòng chảy tối thiểu trên các sông, suối thuộc địa bàn thành phố.
- *Bước 3:* Trên cơ sở ý kiến góp ý, Sở Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp ý kiến các Sở, ban ngành, gửi Bộ Nông nghiệp và Môi trường để cho ý kiến.
- *Bước 4:* Sở Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp, tiếp thu, giải trình góp ý và hoàn thiện hồ sơ trình Ủy ban nhân dân thành phố.
- *Bước 5:* Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, phê duyệt quyết định điều chỉnh dòng chảy tối thiểu trên các sông, suối.
- *Bước 6:* Trong thời hạn 14 ngày, kể từ ngày quyết định được phê duyệt, Ủy ban nhân dân thành phố công bố, đăng tải quyết định phê duyệt điều chỉnh dòng chảy tối thiểu kèm theo danh mục dòng chảy tối thiểu trên sông, suối trên Cổng thông tin điện tử của thành phố.

b) Cách thức thực hiện: Không quy định.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Tờ trình, Dự thảo Quyết định phê duyệt điều chỉnh kèm theo danh mục dòng chảy tối thiểu trên các sông, suối;
- Báo cáo thuyết minh việc xác định dòng chảy tối thiểu;
- Sơ đồ dòng chảy tối thiểu của hệ thống sông, suối.

d) Thời gian thực hiện: Không quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Nông nghiệp và Môi trường.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân thành phố.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt điều chỉnh dòng chảy tối thiểu kèm theo danh mục dòng chảy tối thiểu trên sông, suối.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Tài nguyên nước năm 2023;
- Thông tư số 03/TT-BTNMT ngày 16/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.

8. Phê duyệt vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt đối với công trình nằm trên địa bàn 01 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

a) Trình tự thực hiện:

- *Bước 1:* Sở Nông nghiệp và Môi trường nơi có công trình khai thác tổ chức xác định phạm vi vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt của công trình trên cơ sở đề xuất phạm vi vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt của tổ chức, cá nhân và hiện trạng sử dụng đất.
- *Bước 2:* Sở Nông nghiệp và Môi trường trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt của công trình (trong thời hạn 42 ngày kể từ ngày nhận được giấy phép khai thác tài nguyên nước).
- *Bước 3:* Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quyết định phê duyệt vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt của công trình.
- *Bước 4:* Trong thời hạn 42 ngày, kể từ ngày có quyết định phê duyệt vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt, Ủy ban nhân dân thành phố chỉ đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức việc công bố trên các phương tiện thông tin đại chúng, trang thông tin điện tử của thành phố và gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện có liên quan tổ chức xác định ranh giới vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt trên thực địa.

b) Cách thức thực hiện: Không quy định.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: Không quy định.

d) Thời gian trình, phê duyệt vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt của công trình: 42 ngày (kể từ ngày nhận được giấy phép khai thác tài nguyên nước).

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Nông nghiệp và Môi trường.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân thành phố.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Tài nguyên nước năm 2023;
- Thông tư số 03/2024/TT-BTNMT ngày 16/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.

9. Phê duyệt kế hoạch bảo vệ nước dưới đất

a) Trình tự thực hiện:

- *Bước 1:* Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức thực hiện việc điều tra, thống kê, tổng hợp thông tin, số liệu và xây dựng dự thảo kế hoạch bảo vệ nước dưới đất trên địa bàn thành phố.
- *Bước 2:* Sở Nông nghiệp và Môi trường gửi lấy ý kiến bằng văn bản đến Sở: Xây dựng, Công Thương, Y tế, Ủy ban nhân dân cấp huyện và đại diện một số tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng nước dưới đất lớn trên địa bàn thành phố về dự thảo kế hoạch bảo vệ nước dưới đất.
- *Bước 3:* Sở Nông nghiệp và Môi trường hoàn chỉnh dự thảo kế hoạch bảo vệ nước dưới đất trên cơ sở ý kiến của các cơ quan, đơn vị và gửi lấy ý kiến của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
- *Bước 4:* Sở Nông nghiệp và Môi trường hoàn chỉnh dự thảo kế hoạch bảo vệ nước dưới đất trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, phê duyệt.
- *Bước 5:* Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, phê duyệt kế hoạch bảo vệ nước dưới đất trên địa bàn thành phố.
- *Bước 6:* Sở Nông nghiệp và Môi trường cập nhật kế hoạch bảo vệ nước dưới đất vào Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia trong vòng 07 ngày sau khi được phê duyệt và tổ chức thực hiện.

b) Cách thức thực hiện: Không quy định.

c) Thành phần hồ sơ: Không quy định.

d) Thời gian thực hiện: Không quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Nông nghiệp và Môi trường.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân thành phố.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Kế hoạch bảo vệ nước dưới đất trên địa bàn thành phố.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):

- Kế hoạch bảo vệ nước dưới đất phải phù hợp với quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh; phải phù hợp với phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục tác hại do nước gây ra trong quy hoạch thành phố.
- Xác định được phạm vi các khu vực, tầng chứa nước bị suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm và nguyên nhân gây ra; phương án tổ chức thực hiện các giải pháp khoanh định hoặc đưa ra khỏi vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất; phương án khai thác nước dưới đất; khu vực cần bổ sung nhân tạo nước dưới đất; giải pháp bảo vệ chất lượng nguồn nước dưới đất. Ưu tiên bảo vệ, phục hồi các tầng chứa

nước khai thác chính, các tầng chứa nước được khai thác để cấp nước sinh hoạt.

- Việc lập kế hoạch bảo vệ nước dưới đất phải dựa trên cơ sở kết quả điều tra, đánh giá tài nguyên nước dưới đất; thông tin, số liệu quan trắc tài nguyên nước dưới đất của mạng quan trắc tài nguyên nước dưới đất, tại công trình khai thác nước dưới đất và các thông tin, số liệu có liên quan khác từ Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia (nếu có).

- Trường hợp thông tin, số liệu chưa đảm bảo làm cơ sở lập kế hoạch bảo vệ nước dưới đất thì Ủy ban nhân dân thành phố quyết định việc bổ sung công tác điều tra, đánh giá tài nguyên nước dưới đất để phục vụ lập kế hoạch bảo vệ nước dưới đất.

- Kế hoạch bảo vệ nước dưới đất phải đồng bộ, phù hợp với nguồn lực, giải pháp thực hiện; bảo đảm tính khả thi và hiệu quả trong triển khai thực hiện.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Tài nguyên nước năm 2023;

- Thông tư số 03/2024/TT-BTNMT ngày 16/5/2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.

10. Điều chỉnh kế hoạch bảo vệ nước dưới đất

a) Trình tự thực hiện:

- *Bước 1:* Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức rà soát kế hoạch bảo vệ nước dưới đất, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố kết quả rà soát và kiến nghị điều chỉnh kế hoạch bảo vệ nước dưới đất trên địa bàn thành phố (nếu có) theo định kỳ (05 năm) hoặc trong trường hợp cần thiết.

- *Bước 2:* Sở Nông nghiệp và Môi trường gửi lấy ý kiến bằng văn bản đến các Sở: Xây dựng, Công Thương, Y tế, Ủy ban nhân dân cấp huyện và đại diện một số tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng nước dưới đất lớn trên địa bàn thành phố về dự thảo điều chỉnh kế hoạch bảo vệ nước dưới đất.

- *Bước 3:* Sở Nông nghiệp và Môi trường hoàn chỉnh dự thảo điều chỉnh Kế hoạch bảo vệ nước dưới đất trên cơ sở ý kiến của các cơ quan, đơn vị và gửi lấy ý kiến của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

- *Bước 4:* Sở Nông nghiệp và Môi trường hoàn chỉnh dự thảo điều chỉnh Kế hoạch bảo vệ nước dưới đất trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, phê duyệt.

- *Bước 5:* Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, phê duyệt điều chỉnh Kế hoạch bảo vệ nước dưới đất trên địa bàn thành phố.

- *Bước 6:* Sở Nông nghiệp và Môi trường cập nhật điều chỉnh kế hoạch bảo vệ nước dưới đất vào Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia trong vòng 07 ngày sau khi được phê duyệt và tổ chức thực hiện.

b) Cách thức thực hiện: Không quy định.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: Không quy định.

d) Thời gian thực hiện: Không quy định.

đ) *Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:* Sở Nông nghiệp và Môi trường.

e) *Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:* Ủy ban nhân dân thành phố.

g) *Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:* Điều chỉnh Kế hoạch bảo vệ nước dưới đất trên địa bàn thành phố.

h) *Phí, lệ phí (nếu có):* Không quy định.

i) *Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:* Không quy định.

k) *Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):*

- Có sự điều chỉnh của quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh hoặc phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục tác hại do nước gây ra trong quy hoạch thành phố làm thay đổi cơ bản về định hướng khai thác, sử dụng và bảo vệ tài nguyên nước dưới đất;

- Có biến động lớn về nguồn nước dưới đất trên địa bàn thành phố do ảnh hưởng của các yếu tố tự nhiên, nhân tạo.

l) *Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:*

- Luật Tài nguyên nước năm 2023;

- Thông tư số 03/2024/TT-BTNMT ngày 16/5/2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.

11. Phê duyệt, điều chỉnh Danh mục vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất

a) *Trình tự thực hiện:*

- *Bước 1:* Sở Nông nghiệp và Môi trường xây dựng hồ sơ phê duyệt, điều chỉnh vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất; phương án, lộ trình tổ chức thực hiện việc cấm, hạn chế khai thác nước dưới đất.

- *Bước 2:* Sở Nông nghiệp và Môi trường gửi hồ sơ lấy ý kiến về hồ sơ phê duyệt, điều chỉnh vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất bằng văn bản tới các cơ quan, đơn vị liên quan, bao gồm:

+ Các Sở: Xây dựng, Công Thương, Y tế và các sở, ban, ngành khác có liên quan;

+ Ủy ban nhân dân cấp huyện có phạm vi thuộc vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất;

+ Đại diện cộng đồng dân cư có phạm vi thuộc vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất;

+ Các tổ chức, cá nhân có công trình khai thác nước dưới đất nằm trong phương án.

Hồ sơ lấy ý kiến theo quy định tại khoản 1 Điều 38 Nghị định số 53/2024/NĐ-CP.

- *Bước 3:* Các cơ quan, tổ chức, cá nhân được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ.

- *Bước 4:* Sở Nông nghiệp và Môi trường hoàn thiện hồ sơ trên cơ sở ý kiến góp ý của các đơn vị, cơ quan, tổ chức, cá nhân báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức hội đồng thẩm định với sự tham gia của các sở, ban, ngành có liên quan và các chuyên gia, nhà khoa học về tài nguyên nước.

- *Bước 5:* Sở Nông nghiệp và Môi trường hoàn thiện hồ sơ theo ý kiến hội đồng thẩm định và gửi hồ sơ kèm theo Báo cáo tiếp thu, giải trình đến Sở Nông nghiệp và Môi trường các địa phương liên kết có liên quan và Bộ Nông nghiệp và Môi trường để lấy ý kiến góp ý bằng văn bản.

- *Bước 6:* Trong thời hạn không quá 30 kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Sở Nông nghiệp và Môi trường các địa phương liên kết có liên quan và Bộ Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm trả lời bằng văn bản.

- *Bước 7:* Sở Nông nghiệp và Môi trường hoàn thiện hồ sơ theo ý kiến góp ý, trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, phê duyệt.

- *Bước 8:* Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, phê duyệt, điều chỉnh vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất.

- *Bước 9:* Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày có Quyết định phê duyệt, điều chỉnh Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm tổ chức công bố Danh mục vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất và phương án, lộ trình tổ chức thực hiện việc cấm, hạn chế khai thác nước dưới đất trên các phương tiện thông tin đại chúng và gửi đề đăng tải lên Cổng thông tin điện tử của thành phố; thông báo tới Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất; thông báo tới các tổ chức, cá nhân có liên quan để tổ chức thực hiện, đồng thời gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp.

b) Cách thức thực hiện: Không quy định.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ trình, phê duyệt:

- Tờ trình kèm theo dự thảo Quyết định phê duyệt, điều chỉnh;

- Tờ trình phải bao gồm các nội dung chính sau đây: quá trình tổ chức thực hiện; thuyết minh về căn cứ, kết quả khoan định; thuyết minh phương án, lộ trình tổ chức thực hiện việc cấm, hạn chế khai thác nước dưới đất đối với từng khu vực, từng công trình nằm trong vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất và việc tiếp thu, giải trình các ý kiến góp ý;

- Dự thảo Danh mục vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất;

- Dự thảo Bản đồ phân vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất;

- Dự thảo phương án, lộ trình tổ chức thực hiện việc cấm, hạn chế khai thác nước dưới đất;

- Báo cáo thuyết minh kết quả khoan định vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất. Báo cáo thuyết minh phải luận chứng, thuyết minh rõ về căn cứ để khoan định, phạm vi khoan định vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất.

- Bản tổng hợp tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý, bản chụp văn bản góp ý của Bộ

Nông nghiệp và Môi trường, các đơn vị có liên quan;

- Tài liệu khác có liên quan.

d) Thời gian thực hiện:

đ) Thời gian các cơ quan, tổ chức, cá nhân cho ý kiến: 30 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ lấy ý kiến.

e) Thời gian Bộ Nông nghiệp và Môi trường cho ý kiến: không quá 30 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ lấy ý kiến.

g) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Nông nghiệp và Môi trường.

h) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

i) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt/điều chỉnh Danh mục vùng cấm, hạn chế khai thác nước dưới đất.

k) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

l) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

m) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không quy định.

n) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Tài nguyên nước năm 2023;

- Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.

12. Lập danh mục các đập, hồ chứa trên sông, suối phải xây dựng quy chế phối hợp vận hành thuộc địa bàn 01 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

a) Trình tự thực hiện:

- *Bước 1:* Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với Sở Công Thương và các đơn vị liên quan thực hiện rà soát, xác định danh mục các đập, hồ chứa trên sông, suối thuộc phạm vi quản lý phải xây dựng quy chế phối hợp vận hành.

- *Bước 2:* Sở Nông nghiệp và Môi trường gửi lấy ý kiến Bộ Nông nghiệp và Môi trường, cơ quan, tổ chức lưu vực sông, tổ chức, cá nhân có liên quan về dự thảo Danh mục đập, hồ chứa phải xây dựng quy chế phối hợp vận hành trên các lưu vực sông thuộc phạm vi thành phố.

- *Bước 3:* Sở Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, phê duyệt Danh mục đập, hồ chứa phải xây dựng quy chế phối hợp vận hành.

- *Bước 4:* Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt Danh mục đập, hồ chứa phải xây dựng quy chế phối hợp vận hành.

b) Cách thức thực hiện: Không quy định.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: Không quy định.

d) Thời gian thực hiện: Không quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Nông nghiệp và Môi trường.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân thành phố.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt Danh mục đập, hồ chứa phải xây dựng quy chế phối hợp vận hành.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

Luật Tài nguyên nước năm 2023;

Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.

13. Lập danh mục các đập, hồ chứa trên sông, suối phải xây dựng quy chế phối hợp vận hành thuộc phạm vi từ hai tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên

a) Trình tự thực hiện:

- *Bước 1:* Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ở hạ du của nguồn nước liên tỉnh chỉ đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì lập Danh mục đập, hồ chứa trên sông, suối phải xây dựng quy chế phối hợp vận hành thuộc phạm vi từ hai tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên.

- *Bước 2:* Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với Sở Công Thương và các đơn vị liên quan thực hiện rà soát, xác định danh mục các đập, hồ chứa trên sông, suối phải xây dựng quy chế phối hợp vận hành thuộc phạm vi từ hai tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên.

- *Bước 3:* Sở Nông nghiệp và Môi trường trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ở hạ du của nguồn nước liên tỉnh gửi lấy ý kiến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan trước khi lấy ý kiến Bộ Nông nghiệp và Môi trường, tổ chức lưu vực sông, và tổ chức, cá nhân có liên quan về dự thảo Danh mục đập, hồ chứa trên sông, suối phải xây dựng quy chế phối hợp vận hành thuộc phạm vi từ hai tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên.

- *Bước 4:* Sở Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý và hoàn thiện dự thảo Danh mục đập, hồ chứa phải xây dựng quy chế phối hợp vận hành.

- *Bước 5:* Sở Nông nghiệp và Môi trường trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ở hạ du của nguồn nước liên tỉnh phê duyệt danh mục đập, hồ chứa phải xây dựng quy chế phối hợp vận hành.

b) Cách thức thực hiện: Không quy định.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: Không quy định.

d) Thời gian thực hiện: Không quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Nông nghiệp và Môi trường ở hạ du của nguồn nước liên tỉnh.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ở hạ du của nguồn nước liên tỉnh.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ở hạ du của nguồn nước liên tỉnh phê duyệt Danh mục đập, hồ chứa phải xây dựng quy chế phối hợp vận hành thuộc phạm vi từ hai tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

Luật Tài nguyên nước năm 2023;

Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.

14. Phê duyệt quy chế phối hợp vận hành giữa các đập, hồ chứa trên sông, suối thuộc địa bàn 01 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

a) Trình tự thực hiện:

- *Bước 1:* Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các Sở Công Thương, tổ chức, cá nhân quản lý vận hành đập, hồ chứa và các đơn vị liên quan thực hiện xây dựng quy chế phối hợp vận hành giữa các đập, hồ chứa trên sông, suối thuộc phạm vi quản lý.

- *Bước 2:* Sở Nông nghiệp và Môi trường trình Ủy ban nhân dân thành phố gửi lấy ý kiến Bộ Nông nghiệp và Môi trường, các cơ quan, tổ chức lưu vực sông (nếu có) và tổ chức, cá nhân có liên quan về dự thảo quy chế phối hợp vận hành.

- *Bước 3:* Sở Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp, tiếp thu, giải trình góp ý và hoàn thiện dự thảo quy chế phối hợp vận hành giữa các đập, hồ chứa trên sông, suối theo ý kiến góp ý và trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt.

- *Bước 4:* Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt quy chế phối hợp vận hành giữa các đập, hồ chứa trên sông, suối thuộc phạm vi thành phố.

b) Cách thức thực hiện: Không quy định.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: Không quy định.

d) Thời gian thực hiện: Không quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Nông nghiệp và Môi trường và Ủy ban nhân dân thành phố.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân thành phố.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quy chế phối hợp vận hành giữa các đập, hồ chứa trên sông, suối.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

Luật Tài nguyên nước năm 2023;

Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.

15. Phê duyệt quy chế phối hợp vận hành giữa các đập, hồ chứa trên sông, suối thuộc phạm vi từ hai tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên

a) Trình tự thực hiện:

- *Bước 1:* Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ở hạ du của nguồn nước liên tỉnh chỉ đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì xây dựng quy chế phối hợp vận hành giữa các đập, hồ chứa trên sông, suối thuộc phạm vi từ hai tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên.

Bước 2: Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với Sở Công Thương và các đơn vị liên quan xây dựng quy chế phối hợp vận hành giữa các đập, hồ chứa trên sông, suối thuộc phạm vi từ hai tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên.

Bước 3: Sở Nông nghiệp và Môi trường trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ở hạ du của nguồn nước liên tỉnh gửi lấy ý kiến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan, các cơ quan, tổ chức lưu vực sông (nếu có) và tổ chức, cá nhân có liên quan trước khi lấy ý kiến Bộ Nông nghiệp và Môi trường về dự thảo quy chế phối hợp vận hành.

Bước 4: Sở Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp, tiếp thu, giải trình và hoàn thiện dự thảo quy chế phối hợp vận hành theo ý kiến góp ý và hoàn thiện dự thảo quy chế phối hợp vận hành.

Bước 5: Sở Nông nghiệp và Môi trường trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ở hạ du của nguồn nước liên tỉnh phê duyệt quy chế phối hợp vận hành giữa các đập, hồ chứa trên sông, suối thuộc phạm vi từ hai tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên.

b) Cách thức thực hiện: Không quy định.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: Không quy định.

d) Thời gian thực hiện: Không quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Nông nghiệp và Môi trường ở hạ du của nguồn nước liên tỉnh.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ở hạ du của nguồn nước liên tỉnh.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quy chế phối hợp vận hành giữa các

đập, hồ chứa trên sông, suối thuộc phạm vi từ hai tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

Luật Tài nguyên nước năm 2023;

Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.

16. Lập danh mục hồ, ao, đầm, phá nội tỉnh không được san

a) Trình tự thực hiện:

- *Bước 1:* Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện lập Danh mục hồ, ao, đầm, phá không được san lấp trên địa bàn thành phố.

- *Bước 2:* Sở Nông nghiệp và Môi trường gửi lấy ý kiến góp ý của Sở Công thương, Sở Xây dựng, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện có liên quan về hồ sơ xây dựng Danh mục hồ, ao, đầm, phá nội tỉnh không được san lấp. Hồ sơ gửi lấy ý kiến theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 57 Nghị định số 53/2024/NĐ-CP.

- *Bước 3:* Trên cơ sở ý kiến góp ý, Sở Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp, tiếp thu, giải trình và hoàn thiện Hồ sơ trình.

- *Bước 4:* Sở Nông nghiệp và Môi trường trình Ủy ban nhân dân thành phố để trình lấy ý kiến Hội đồng nhân dân thành phố trước khi phê duyệt.

- *Bước 5:* Căn cứ vào Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố, Sở Nông nghiệp và Môi trường hoàn thiện hồ sơ trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt Danh mục hồ, ao, đầm, phá nội tỉnh không được san lấp trên địa bàn thành phố.

- *Bước 6:* Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt Danh mục hồ, ao, đầm, phá nội tỉnh không được san lấp trên địa bàn thành phố.

- *Bước 7:* Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày có Quyết định phê duyệt, Sở Nông nghiệp và Môi trường công bố Danh mục hồ, ao, đầm, phá không được san lấp trên địa bàn thành phố; gửi đăng tải lên cổng thông tin điện tử của thành phố và cập nhật vào Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia.

b) Cách thức thực hiện: Không quy định.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ trình, phê duyệt:

Tờ trình phê duyệt Danh mục hồ, ao, đầm phá nội tỉnh không được san lấp;

Dự thảo Quyết định phê duyệt Danh mục hồ, ao, đầm, phá nội tỉnh không được san lấp;

Báo cáo thuyết minh việc lập Danh mục hồ, ao, đầm, phá nội tỉnh không được san lấp;

Báo cáo tiếp thu giải trình ý kiến của Hội đồng nhân dân thành phố;

Bản tổng hợp giải trình, tiếp thu các ý kiến góp ý, kèm theo bản chụp các ý kiến góp ý;

Các tài liệu khác liên quan.

d) Thời gian thực hiện: Không quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Nông nghiệp và Môi trường.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân thành phố.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt Danh mục hồ, ao, đầm, phá nội tỉnh không được san lấp.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

Luật Tài nguyên nước năm 2023;

Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.

17. Điều chỉnh danh mục hồ, ao, đầm, phá nội tỉnh không được san lấp

a) Trình tự thực hiện:

- *Bước 1:* Định kỳ (05 năm một lần) hoặc trong trường hợp cần thiết, Sở Nông nghiệp và Môi trường rà soát, cập nhật danh mục các hồ, ao, đầm, phá điều chỉnh bổ sung vào Danh mục hồ, ao, đầm, phá không được san lấp đã phê duyệt.

Riêng đối với trường hợp điều chỉnh đưa ra khỏi danh mục: trên cơ sở đề xuất của các Sở, ngành hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện, Sở Nông nghiệp và Môi trường lập danh mục các hồ, ao, đầm, phá điều chỉnh đưa ra khỏi Danh mục hồ, ao, đầm, phá nội tỉnh không được san lấp đã phê duyệt.

- *Bước 2:* Sở Nông nghiệp và Môi trường gửi lấy ý kiến góp ý của Sở Công thương, Sở Xây dựng, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ủy ban nhân dân cấp huyện và cơ quan, tổ chức có liên quan về hồ sơ đề nghị điều chỉnh Danh mục hồ, ao, đầm, phá nội tỉnh không được san lấp.

- *Bước 3:* Sở Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức và hoàn thiện hồ sơ.
- *Bước 4:* Sở Nông nghiệp và Môi trường trình Ủy ban nhân dân thành phố đề trình lấy ý kiến Hội đồng nhân dân thành phố trước khi phê duyệt.
- *Bước 5:* Căn cứ vào Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố, Sở Nông nghiệp và Môi trường hoàn thiện hồ sơ trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt Quyết định điều chỉnh Danh mục hồ, ao, đầm, phá nội tỉnh không được san lấp trên địa bàn thành phố.
- *Bước 6:* Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt Quyết định điều chỉnh Danh mục hồ, ao, đầm, phá nội tỉnh không được san lấp trên địa bàn thành phố.
- *Bước 7:* Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày có Quyết định điều chỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm tổ chức công bố Danh mục hồ, ao, đầm, phá nội tỉnh không được san lấp trên địa bàn thành phố đã được điều chỉnh; gửi đăng tải lên cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân thành phố và cập nhật vào Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia.

b) Cách thức thực hiện: Không quy định.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ trình, phê duyệt:

Tờ trình điều chỉnh Danh mục hồ, ao, đầm phá nội tỉnh không được san lấp;

Dự thảo Quyết định điều chỉnh Danh mục hồ, ao, đầm phá nội tỉnh không được san lấp;

Báo cáo thuyết minh việc lập Danh mục hồ, ao, đầm, phá nội tỉnh không được san lấp (đối với trường hợp điều chỉnh bổ sung vào danh mục) hoặc Báo cáo thuyết minh lý do việc đưa ra khỏi Danh mục hồ, ao, đầm, phá nội tỉnh không được san lấp (đối với trường hợp điều chỉnh đưa ra khỏi danh mục);

Báo cáo tiếp thu giải trình ý kiến của Hội đồng nhân dân thành phố;

Bản tổng hợp giải trình, tiếp thu các ý kiến góp ý, kèm theo bản chụp các ý kiến góp ý;

Các tài liệu khác liên quan.

d) Thời gian thực hiện: Không quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Nông nghiệp và Môi trường.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân thành phố.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt điều chỉnh Danh mục hồ, ao, đầm, phá nội tỉnh không được san lấp.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) *Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai*: Không quy định.

k) *Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)*: Không quy định.

l) *Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính*:

Luật Tài nguyên nước năm 2023;

Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.

18. Trình tự, thủ tục lập, điều chỉnh, thẩm định, quyết định, phê duyệt quy hoạch sử dụng đất cấp huyện

a) *Trình tự thực hiện*

- *Bước 1*: Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện hoàn thiện hồ sơ quy hoạch sử dụng đất cấp huyện, điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp huyện báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện để trình Hội đồng nhân dân cùng cấp thông qua trước khi Ủy ban nhân dân cấp huyện trình Sở Nông nghiệp và Môi trường để thẩm định.

- *Bước 2*: Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ lấy ý kiến, Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm gửi hồ sơ quy hoạch sử dụng đất cấp huyện, điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp huyện đến các thành viên Hội đồng thẩm định để lấy ý kiến.

- *Bước 3*: việc lấy ý kiến về quy hoạch sử dụng đất cấp huyện, điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp huyện

+ Cơ quan lập quy hoạch sử dụng đất cấp huyện, điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp huyện lấy ý kiến các phòng, ban, ngành có liên quan, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư, cá nhân có liên quan về quy hoạch sử dụng đất. Việc lấy ý kiến được thực hiện thông qua hình thức công khai thông tin về nội dung của quy hoạch sử dụng đất, điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp huyện trên trang thông tin điện tử của cơ quan lập quy hoạch sử dụng đất cấp huyện, điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã và niêm yết công khai tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã, điểm dân cư, niêm yết, trưng bày tại nhà văn hóa các thôn, làng, ấp, bản, bon, buôn, phum, sóc, tổ dân phố, tổ chức hội nghị, hội thảo và phát phiếu lấy ý kiến các hộ gia đình, cá nhân đại diện cho các xã, phường, thị trấn. Nội dung lấy ý kiến bao gồm báo cáo thuyết minh, hệ thống bản đồ về quy hoạch sử dụng đất;

+ Việc tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến và hoàn thiện phương án quy hoạch sử dụng đất cấp huyện, điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp huyện được thực hiện trước khi trình thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp huyện và phải công bố công khai ý kiến đóng góp và việc tiếp thu, giải trình ý kiến đóng góp trên trang thông tin điện tử của cơ quan lập, điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp huyện;

+ Thời gian lấy ý kiến về quy hoạch sử dụng đất cấp huyện, điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp huyện là 30 ngày kể từ ngày công khai thông tin về nội dung lấy ý kiến.

- *Bước 4:* Trong thời hạn không quá 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ lấy ý kiến, các thành viên Hội đồng thẩm định gửi ý kiến bằng văn bản đến Sở Nông nghiệp và Môi trường.

- *Bước 5:*

+ Trong thời hạn không quá 10 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn lấy ý kiến, Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm tổ chức họp Hội đồng thẩm định và gửi thông báo kết quả thẩm định quy hoạch sử dụng đất cấp huyện, điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến Ủy ban nhân dân cấp huyện;

+ Trong thời hạn không quá 10 ngày, Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm tiếp thu, giải trình ý kiến của Hội đồng thẩm định để hoàn thiện hồ sơ quy hoạch sử dụng, điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp huyện đất gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường;

+ Trong thời hạn không quá 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Nông nghiệp và Môi trường trình Ủy ban nhân dân cùng cấp phê duyệt quy hoạch sử dụng đất cấp huyện, điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp huyện.

b) Cách thức thực hiện: Theo quy định tại Thông tư số 29/TT-BTNMT ngày 12 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật về lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Tờ trình của Ủy ban nhân dân cấp huyện;

- Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp huyện;

- Báo cáo thuyết minh về quy hoạch sử dụng đất cấp huyện, điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp huyện;

- Hệ thống bản đồ và dữ liệu kèm theo (dạng giấy hoặc dạng số);

- Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến của Hội đồng thẩm định;

- Dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt quy hoạch sử dụng đất cấp huyện, điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp huyện.

d) Thời hạn giải quyết: 90 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, đúng quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

- Hội đồng nhân dân thành phố;

- Ủy ban nhân dân thành phố;

- Cơ quan lập, điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất: UBND cấp huyện.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt quy hoạch sử dụng đất cấp huyện, điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp huyện.

g) *Kết quả thực hiện thủ tục hành chính*: Quyết định phê duyệt, điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp huyện của Ủy ban nhân dân thành phố.
 h) *Phí, lệ phí (nếu có)*: Kinh phí lập, điều chỉnh, thẩm định, quyết định, phê duyệt, công bố quy hoạch sử dụng đất cấp huyện do ngân sách nhà nước bảo đảm từ nguồn sự nghiệp kinh tế.

i) *Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai*: Không quy định.

l) *Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)*: Không quy định.

n) *Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính*:

- Luật Đất đai 2024;

- Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

- Thông tư số 29/TT-BTNMT ngày 12 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật về lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

19. Trình tự, thủ tục lập, điều chỉnh, thẩm định, quyết định, phê duyệt kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện

a) *Trình tự thực hiện*

- *Bước 1*: Ủy ban nhân dân cấp huyện gửi hồ sơ kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện, điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện đến Sở Nông nghiệp và Môi trường để thẩm định.

- *Bước 2*:

Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Nông nghiệp và Môi trường gửi hồ sơ kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện, điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện đến các sở, ngành có liên quan để lấy ý kiến.

- *Bước 3*: Về việc lấy ý kiến kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện, điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện

+ Cơ quan lập, điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp huyện lấy ý kiến các phòng, ban, ngành có liên quan, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư, cá nhân có liên quan về kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện, điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện. Việc lấy ý kiến được thực hiện thông qua hình thức công khai thông tin về nội dung của kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện, điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện trên trang thông tin điện tử của cơ quan lập, điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã và niêm yết công khai tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã, điểm dân cư, niêm yết, trưng bày tại nhà văn hóa các thôn, làng, ấp, bản, bon, buôn, phum, sóc,

tổ dân phố, tổ chức hội nghị, hội thảo và phát phiếu lấy ý kiến các hộ gia đình, cá nhân đại diện cho các xã, phường, thị trấn. Nội dung lấy ý kiến bao gồm báo cáo thuyết minh, hệ thống bản đồ về kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện, điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện;

+ Việc tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến và hoàn thiện phương án kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện, điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện được thực hiện trước khi trình thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện và phải công bố công khai ý kiến đóng góp và việc tiếp thu, giải trình ý kiến đóng góp trên trang thông tin điện tử của cơ quan lập, điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện;

+ Thời gian lấy ý kiến về kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện, điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện là 20 ngày kể từ ngày công khai thông tin về nội dung lấy ý kiến.

- Bước 4:

Trong thời hạn không quá 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, các sở, ngành có trách nhiệm gửi ý kiến bằng văn bản đến Sở Nông nghiệp và Môi trường.

- *Bước 5:* Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời gian lấy ý kiến, Sở Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp và gửi thông báo kết quả thẩm định hồ sơ kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện, điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện đến Ủy ban nhân dân cấp huyện để hoàn thiện hồ sơ.

- *Bước 6:* Căn cứ hồ sơ kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện đã được hoàn thiện, Sở Nông nghiệp và Môi trường trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt xong trước ngày 31 tháng 12 hằng năm.

b) Cách thức thực hiện: Theo quy định tại Thông tư số 29/TT-BTNMT ngày 12 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật về lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Tờ trình của Ủy ban nhân dân cấp huyện;

- Báo cáo thuyết minh về kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện, điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện;

- Hệ thống bảng biểu, sơ đồ, bản đồ và dữ liệu kèm theo (dạng giấy hoặc dạng số);

- Dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện, điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện.

d) Thời hạn giải quyết: 45 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, đúng quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

- Ủy ban nhân dân thành phố;
- Ủy ban nhân dân cấp huyện.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân thành phố.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt, điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Kinh phí lập, điều chỉnh, thẩm định, quyết định, phê duyệt, công bố kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện do ngân sách nhà nước bảo đảm từ nguồn sự nghiệp kinh tế.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đất đai 2024;
- Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;
- Thông tư số 29/TT-BTNMT ngày 12 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật về lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất./.